TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 350/2024/HC-PT

Ngày: 25/6/2024

Khởi kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lí đất đai

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu Hà;

Các Thẩm phán: Ông Thái Duy Nhiệm;

Ông Phạm Đình Khánh.

Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Hải An - Thư ký Toà án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Thủy, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 25 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, mở phiên tòa công khai xét xử vụ án hành chính phúc thẩm thụ lý số 149/2024/TLPT-HC ngày 11 tháng 4 năm 2024 về việc "Khởi kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lí đất đai" do có kháng cáo của người khởi kiện đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 06/2024/HC-ST ngày 23/02/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh T.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 6274/2024/QĐ-PT ngày 10 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

**** Người khởi kiện:*** Bà Hoàng Thị X, sinh năm 1964; Địa chỉ: Phố G, thị trấn G, huyện L, tỉnh T; có mặt.

**** Người bị kiện**:* Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh T; Địa chỉ: Tiểu khu T1, thị trấn Đ, huyện L, tỉnh T.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hoàng Duy H, chức vụ: Phó Chủ tịch UBND huyện L, tỉnh T; có đơn xin xét xử vắng mặt.

* ***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh T;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Quang T2, chức vụ: Phó Chủ tịch UBND tỉnh T; có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh T; Địa chỉ: Tiểu khu T1, thị trấn Đ, huyện L, tỉnh T;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hoàng Duy H, chức vụ: Phó Chủ tịch UBND huyện L, tỉnh T; có đơn xin xét xử vắng mặt.

3. Ủy ban nhân dân thị trấn G, huyện L, tỉnh T; vắng mặt.

4. Ông Vũ Tiến T3, sinh năm 1958; có mặt.

5. Anh Vũ Ngọc T4, sinh năm 1990; vắng mặt.

6. Anh Vũ Ngọc T5, sinh năm 1990; vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Phố G, thị trấn G, huyện L, tỉnh T.

**** Người kháng cáo:*** Bà Hoàng Thị X.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Bản án sơ thẩm và các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ, người khởi kiện là bà Hoàng Thị X trình bày:

Năm 1950, bố mẹ tôi có khai phá, canh tác một thửa ruộng ở cạnh đường Quốc lộ 3, nay thuộc phố G1, thị trấn G, huyện L.

Sau khi được bố mẹ tôi cho tôi quyền sử dụng đất thửa ruộng trên, năm 1993 tôi đã kê khai làm hồ sơ đề nghị cấp có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Hồ sơ đã được ông Trần Duy C lúc đó làm Chủ tịch UBND thị trấn G và ông Đặng Hồng P là cán bộ địa chính thị trấn G cùng ký xác nhận. Chủ tịch UBND huyện L đã ký vào Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho tôi Hoàng Thị X đối với thửa ruộng trên số 00047/QSDĐ ngày 17/11/1993, thửa đất số 191, tờ bản đồ số 8 (Bản đồ 299).

Do năm 2005, hộ bà Nguyễn Thị Đ1, cư trú tại phố G1, thị trấn G, huyện L được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trùng lên thửa số 191, tờ bản đồ số 8 (Bản đồ 299) thuộc quyền sử dụng của tôi. Tôi đã làm đơn yêu cầu UBND huyện L xem xét lại việc cấp trùng bìa đỏ này. Thanh tra huyện L đã tiến hành kiểm tra, xác minh và kết luận việc cấp Giấy chứng nhận QSD đất cho bà Nguyễn Thị Đ1 trùng vào thửa đất của tôi và UBND huyện L đã quyết định thu hồi Giấy chứng nhận QSD đất của bà Nguyễn Thị Đ1.

Cơ quan có thẩm quyền của huyện L đã hướng dẫn gia đình tôi làm thủ tục kê khai và lập hồ sơ cấp đổi lại Giấy chứng nhận QSD đất theo quy định của pháp luật.

Năm 2015, thửa ruộng trên của gia đình tôi được cấp đổi sang Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00713 ngày 09/9/2015, thửa đất số 308 tờ bản đồ số 15 diện tích 169,3m² theo Quyết định số 5049/QĐ-UBND ngày 09/09/2015 của UBND huyện L.

Vừa qua tôi nhận được Quyết định số 5051/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND huyện L về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do cấp sai quy định tại thị trấn G đối với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00713 ngày 09/9/2015 cho bà Hoàng Thị X. Lý do thu hồi không đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận.

Năm 1993 tôi được cấp GCNQSD đất có số sổ 00047 số phát hành B801990 thửa số 125, tờ bản đồ số 9 (Bản đồ 299), diện tích 576m² loại đất 2 lúa là đúng. Việc trong GCNQSD đất này có ghi thêm số thửa số 191, tờ bản đồ số 8, diện tích 180m², loại đất 1 lúa là không đúng vì thửa đất số 191, tờ bản đồ số 8, diện tích 180m², loại đất 1 lúa không thể hiện trên tờ bản đồ số 8 (Bản đồ 299) và hồ sơ cấp giấy CNQSD đất năm 1993 của bà Hoàng Thị X, trên GCNQSD đất có số sổ 00047, số phát hành B801990 cấp năm 1993 cho bà Hoàng Thị X có dấu hiệu tẩy xóa và ghi thêm phần thông tin thửa 191, tờ bản đồ số 8, diện tích 180m², loại đất 1 lúa.

Tôi hoàn toàn không nhất trí với quyết định trên với lý do: Hồ sơ cấp đất của gia đình tôi đã được thể hiện tại công văn số 86 ngày 08/8/2011 của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện L gửi UBND huyện L về việc xác nhận Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00047 cấp ngày 17/11/1993 là đúng.

Công văn số 86/CV-TNMT ngày 08/8/2011 có đoạn ghi rõ: *"Đối chiếu bản đồ cho thấy khi cấp GCNQSD đất cho bà Nguyễn Thị Đ1 năm 2005 đã cấp trùng vào thửa đất số 191 tờ bản đồ số 8 của bà Nguyễn Thị X đã được cấp GCN từ năm 1993 và mục đích sử dụng đất đã thay đổi".* Công văn này đã viết nhầm bà Hoàng Thị X thành Nguyễn Thị X.

Gia đình tôi khai phá sử dụng ổn định 70 năm nay không lấn chiếm và tranh chấp với ai. Chấp hành các quy định của nhà nước, tôi đã kê khai, làm đủ các thủ tục, hồ sơ có xác nhận của cấp có thẩm quyền và được UBND huyện L hai lần cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (năm 1993 và năm 2005).

Gia đình tôi đã nhiều lần yêu cầu UBND huyện L cung cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00047, số phát hành B801990 cấp năm 1993 cho bà Hoàng Thị X có dấu hiệu tẩy xóa và ghi thêm phần thông tin thửa 191, tờ bản đồ số 8, diện tích 180m², loại đất 1 lúa nhưng đều bị UBND huyện cũng như Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai tại T từ chối và trả lời tôi: Không tìm

thấy Giấy chứng nhận QSD đất mà tại Quyết định số 4162/QĐ-UBND ngày 1/11/2019 đã cho là có dấu hiệu bị tẩy xóa.

Đề nghị Tòa án hủy một phần Quyết định số 5051/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND huyện L về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00713 ngày 09/9/2015 cấp cho bà Hoàng Thị X.

Tại Văn bản số 566/UBND-TNMT ngày 14/05/2021, người bị kiện UBND huyện L, tỉnh T trình bày:

1. Quyết định số 5051/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 được UBND huyện L ban hành về thu hồi 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSD) đất gồm 01 GCNQSD đất mang tên bà Hoàng Thị X và 01 GCNQSD đất mang tên bà Nguyễn Thị H1 cùng thường trú và sử dụng đất tại thị trấn G, huyện L. Trong đó, GCNQSD đất số CH00713 do UBND huyện L cấp ngày 09/9/2015 mang tên bà Hoàng Thị X bị thu hồi với lý do: Không đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Trên GCNQSD đất số CH00713 bà Hoàng Thị X được cấp 01 thửa đất số 308, tờ bản đồ số 15 (Bản đồ địa chính), diện tích 169,3m², mục đích sử dụng là đất trồng lúa nước còn lại (LUK). GCNQSD đất số CH00713 được UBND huyện L cấp cho bà Hoàng Thị X theo Quyết định số 5049/QĐ-UBND ngày 09/9/2015 về việc cấp đổi GCNQSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo bản đồ địa chính chính quy cho bà Hoàng Thị X sử dụng đất tại thị trấn G. Việc cấp đổi GCNQSD đất được thực hiện do bà Hoàng Thị X có đơn đề nghị thực hiện cấp đổi GCNQSD đất từ hệ thống bản đồ cũ (Bản đồ 299) sang bản đồ địa chính chính quy, cụ thể từ thửa đất số 191, tờ bản đồ số 8 (Bản đồ 299) diện tích 180m², đất LUK sang bản đồ địa chính tương ứng là thửa đất số 308, tờ bản đồ số 15 (BĐĐC), diện tích 169,3m², đất LUK.

2. Quá trình UBND huyện L ban hành Quyết định số 5051/QĐ-UBND ngày 31/12/2019.

Thực hiện Quyết định thanh tra số 260/QĐ-UBND ngày 28/01/2019 của Chủ tịch UBND huyện L về việc thành lập Đoàn Thanh tra thực hiện việc thẩm tra, xác minh việc cấp GCNQSD đất của bà Nguyễn Thị Đ1, bà Hoàng Thị X và bà Nguyễn Thị H1 có đất tại khu vực A, phố G1, thị trấn G, huyện L, Đoàn Thanh tra theo Quyết định 260/QĐ-UBND đã thanh tra trực tiếp từ ngày 18/02/2019 đến ngày 29/03/2019.

Ngày 11/7/2019, Chủ tịch UBND huyện L có Kết luận Thanh tra số 631/KL-UBND về việc cấp GCNQSD đất của hộ gia đình bà Nguyễn Thị Đ1, bà Hoàng Thị X và bà Nguyễn Thị H1 có đất tại khu vực ao Sen, phố G1, thị

trấn G, huyện L. Đối với kết quả kiểm tra, xác minh việc cấp GCNQSD đất cho bà Hoàng Thị X:

- Năm 1993, bà Hoàng Thị X được UBND huyện L cấp GCNQSD đất số 00047 ngày 17/11/1993. Trên GCNQSD đất (photo) thể hiện 02 thửa đất: Thửa 125, tờ bản đồ số 9 (Bản đồ 299) diện tích 576m², mục đích sử dụng đất 2 lúa; Thửa 191, tờ bản đồ số 8 (Bản đồ 299), diện tích 180m², mục đích sử dụng đất 1 lúa.

- Năm 2015, bà Hoàng Thị X được UBND huyện L cấp đổi GCNQSD đất số CH00713, cấp ngày 09/9/2015 (từ thửa đất số 191, tờ bản đồ số 8 (Bản đồ 299) diện tích 180m² đất LUK sang thửa đất số 308, tờ bản đồ số 15 (Bản đồ địa chính), diện tích 169,3m², đất LUK).

Qua xác minh, đối chiếu hồ sơ lưu tại UBND huyện L với GCNQSD đất (photo) của bà Hoàng Thị X, xác định thửa đất số 191, tờ bản đồ số 8 (Bản đồ 299), diện tích 180m², đất LUK không có trong hồ sơ cấp GCNQSD đất năm 1993. Bà Hoàng Thị X chưa được cấp thửa đất số 191, tờ bản đồ số 8 (Bản đồ 299), diện tích 180m², đất LUK. Vì vậy, việc cấp đổi GCNQSD đất sang hệ thống bản đồ địa chính chính quy cho bà Hoàng Thị X từ thửa đất số 191, tờ bản đồ số 8 (Bản đồ 299) diện tích 180m² đất LUK sang thửa đất số 308, tờ bản đồ số 15 (Bản đồ địa chính), diện tích 169,3m² đất LUK trong GCNQSD đất số CH00713 cấp ngày 09/9/2015 là không đủ điều kiện, không thuộc trường hợp được cấp đổi GCNQSD đất. Vì bà Hoàng Thị X chưa được cấp thửa đất này.

Căn cứ Luật Đất đai năm 2013, thực hiện quy định tại điểm a, khoản 4, Điều 87 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai (Kết luận số 631/KL-UBND ngày 11/7/2019 của Chủ tịch UBND huyện L), ngày 31/12/2019 UBND huyện L ban hành Quyết định số 5051/QĐ-UBND về việc thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thửa đất do cấp sai quy định tại thị trấn G (*trong đó có Giấy CNQSD đất số CH 00713 mang tên bà Hoàng Thị X, với lý do: Không đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất).*

Sau khi UBND huyện L ban hành Kết luận thanh tra số 631/KL-UBND ngày 11/7/2019, bà Hoàng Thị X có đơn khiếu nại Kết luận thanh tra số 631/KL-UBND ngày 11/7/2019. UBND huyện L đã thụ lý giải quyết đơn khiếu nại của bà Hoàng Thị X. Ngày 01/11/2019, UBND huyện L đã ban hành Quyết định số 4162/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của bà Hoàng Thị X, thường trú tại thị trấn G, huyện L.

Tại Văn bản số 782/UBND-TNMT ngày 22/02/2024, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan - Chủ tịch UBND tỉnh T trình bày:

Ngày 11/7/2019, UBND huyện L có Kết luận Thanh tra số 631/KL-UBND về việc cấp GCNQSD đất cho các hộ gia đình bà Nguyễn Thị Đ1, Nguyễn Thị H1, Hoàng Thị X, trú tại thị trấn G, huyện L, trong kết luận kiến nghị thu hồi GCNQSD đất có số vào sổ CH00713 cấp ngày 09/9/2015 đã cấp cho bà Hoàng Thị X tại Quyết định số 5049/QĐ-UBND ngày 09/9/2015 của UBND huyện.

Ngày 18/7/2019 bà Hoàng Thị X có đơn khiếu nại nội dung thu hồi GCNQSD đất số CH00713 do UBND huyện L cấp ngày 09/9/2015 cho bà Hoàng Thị X.

UBND huyện L đã ban hành Quyết định số 4162/QĐ-UBND ngày 01/11/2019 về việc giải quyết khiếu nại của bà Hoàng Thị X thường trú tại phố G, thị trấn G, huyện L với nội dung giữ nguyên Quyết định thu hồi GCNQSD đất số CH00713 do UBND huyện L cấp ngày 09/9/2015 cho bà Hoàng Thị X.

Ngày 31/12/2019 UBND huyện L ban hành Quyết định số 5051/QĐ-UBND về việc thu hồi GCNQSD đất cấp cho bà Hoàng Thị X.

Không đồng ý với việc thu hồi GCNQSD đất và quyết định giải quyết khiếu nại (lần đầu) của UBND huyện L, bà Hoàng Thị X có đơn khiếu nại (lần hai) ngày 13/11/2019 đến Chủ tịch UBND tỉnh T. Chủ tịch UBND tỉnh T đã thụ lý và giao cho Sở Tài nguyên và Môi trường thành lập đoàn xác minh khiếu nại. Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Quyết định số 1876/QĐ-UBND ngày 09/8/2023 về việc giải quyết khiếu nại của bà Hoàng Thị X, Quyết định giải quyết khiếu nại (lần hai) ban hành với nội dung giữ nguyên Quyết định 4162/QĐ-UBND ngày 01/11/2019 của Chủ tịch UBND huyện L về việc giải quyết khiếu nại của bà Hoàng Thị X.

Như vậy việc giải quyết khiếu nại theo thủ tục hành chính đã thực hiện đúng phân cấp và thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Việc bà Hoàng Thị X khởi kiện và đề nghị Tòa án hủy một phần Quyết định số 5051/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND huyện L về việc thu hồi GCNQSD đất là không có căn cứ và trái quy định của pháp luật.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 06/2024/HC-ST ngày 23/02/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh T đã quyết định:

Căn cứ các Điều 30, Điều 32, Điều 115, Điều 116, điểm a, khoản 2, Điều 193 Luật Tố tụng hành chính năm 2015; Căn cứ Điều 105, Điều 37, điểm d, khoản 2 Điều 106 Luật Đất đai năm 2013; điểm b, khoản 4, Điều 87 Nghị định

số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; khoản 56, Điều 2 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ; Điều 18, Điều 21 Điều 29, Điều 30, Điều 31, Điều 40 Luật Khiếu nại; Điều 22, Điều 29 Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

Bác yêu cầu khởi kiện của bà Hoàng Thị X về việc hủy một phần Quyết định số 5051/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND huyện L về việc thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ gia đình bà Hoàng Thị X trú tại thị trấn G, huyện L, tỉnh T.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 02/3/2024, người khởi kiện là bà Hoàng Thị X có đơn kháng cáo với đề nghị hủy bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội sau khi phân tích tài liệu có trong hồ sơ có quan điểm thể hiện: Tòa án sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của bà X là đúng quy định. Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện không xuất trình được tài liệu mới bảo vệ cho nội dung kháng cáo nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo.

Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính, không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện, giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm.

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các bên đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, sau khi thảo luận và nghị án;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Ngày 02/12/2020, bà Hoàng Thị X có đơn gửi đến Tòa án nhân dân tỉnh T đề nghị hủy Quyết định số 5051/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND huyện L về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ). Tòa án nhân dân tỉnh T thụ lý vụ án, xác định yêu cầu khởi kiện còn trong thời hiệu là đúng quy định tại Điều 30, Điều 32, Điều 116 Luật Tố tụng hành chính.

Tòa án nhân dân tỉnh T đã xác định các văn bản hành chính gồm: Kết luận Thanh tra số 631/KL-UBND ngày 11/7/2019 của Chủ tịch UBND huyện L, Quyết định số 4162/QĐ-UBND ngày 01/11/2019 của Chủ tịch UBND huyện L về việc giải quyết khiếu nại của bà Hoàng Thị X (lần đầu), Quyết định số 1876/QĐ-UBND ngày 09/08/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh T về việc giải quyết khiếu nại của bà Hoàng Thị X (lần hai) là các quyết định hành chính có liên quan là phù hợp với quy định tại Điều 193 Luật Tố tụng hành chính.

[1.2]. Bản án sơ thẩm xác định về đối tượng khởi kiện, thời hiệu khởi kiện, về quyết định hành chính liên quan, về tư cách những người tham gia tố tụng trong vụ án đúng quy định pháp luật. Việc chứng minh, thu thập chứng cứ đã được thực hiện đầy đủ và đúng theo quy định tại chương VI Luật Tố tụng hành chính. Đơn kháng cáo của bà Hoàng Thị X hợp lệ và trong hạn luật định nên được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[1.3]. Tại phiên tòa phúc thẩm, người bị kiện và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan mặc dù đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ Điều 225 Luật tố tụng hành chính, Hội đồng quyết định xét xử vụ án vắng mặt các đương sự nêu trên.

[2] Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét, đánh giá tính hợp pháp của quyết định hành chính bị khiếu kiện, theo đó:

[2.1]. Đối với Quyết định số 5051/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND huyện L, tỉnh T:

[2.1.1]. Về trình tự, thủ tục, thẩm quyền.

UBND huyện L ban hành Quyết định số 5051/QĐ-UBND về việc thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ gia đình bà Hoàng Thị X, trú tại thị trấn G, huyện L là đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền theo quy định tại Điều 105, điểm d, khoản 2, Điều 106 Luật Đất đai năm 2013, khoản 2, Điều 37, điểm b, khoản 4, Điều 87 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; khoản 56, Điều 2 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ.

[2.1.2]. Về nội dung:

Nguồn gốc thửa đất số 308, tờ bản đồ địa chính số 15, diện tích 169,3m² nằm trong khu vực A do UBND thị trấn G quản lý, trước kia khi nước rút phần đất cao, có một số hộ gia đình ra canh tác, vị trí canh tác không được thể hiện trên bản đồ và sổ sách quản lý của UBND thị trấn G.

Đối với đất gia đình bà Hoàng Thị X sử dụng: ngày 17/11/1993, UBND huyện L, tỉnh T cấp Giấy chứng nhận số 00047 cho hộ bà Hoàng Thị X theo

Quyết định số 270/QĐ-UB ngày 17/01/1993 thửa đất số 125, tờ bản đồ số 9, diện tích 576m².

Tuy nhiên, trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00047 lưu tại Chi nhánh VPĐKĐĐ thu hồi năm 2015 do cấp đổi giấy CNQSD đất thấy có sự tẩy xóa phần diện tích được cấp, nét chữ ghi thửa 191, tờ bản đồ số 8, diện tích 180m², loại đất 1 lúa có ghi bằng nét chữ khác, mực khác.

Ngày 09/9/2015, UBND huyện L cấp Giấy CNQSD đất số CH00713 là hồ sơ cấp đổi giấy CNQSD đất từ thửa 191, tờ bản đồ số 8 (Bản đồ 299) diện tích 180m² sang thửa số 308, tờ bản đồ địa chính số 15, diện tích 169,3m² loại đất LUK theo Quyết định số 5049/QĐ-UBND ngày 09/9/2015 của UBND huyện L.

Căn cứ sổ địa chính năm 1993 và danh sách các hộ đủ điều kiện cấp giấy CNQSD đất của Hội đồng xét cấp giấy CNQSD đất thị trấn G họp ngày 25/9/1993 số thứ tự 37 tên bà Hoàng Thị X có 01 thửa đất đủ điều kiện cấp giấy CNQSD đất tại thửa số 125, tờ bản đồ số 9 (Bản đồ 299), diện tích 576m².

Căn cứ sổ mục kê theo bản đồ 299 cho thấy tờ bản đồ số 8 (Bản đồ 299) thể hiện thửa cuối cùng là thửa 189, không có thửa 191, diện tích 180m².

Như vậy, theo Quyết định số 270/QĐ-UB ngày 17/01/1993 về việc cấp giấy CNQSD đất cho bà Hoàng Thị X (lần đầu) không có thửa 191, tờ bản đồ số 8 (Bản đồ 299), diện tích 180m².

Trên cơ sở Báo cáo số 101/BC-ĐTTr, ngày 18/7/2014 của Đoàn Thanh tra, Chủ tịch UBND huyện L ban hành Kết luận thanh tra số 631/KL-UBND ngày 11/7/2019 về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ gia đình bà Hoàng Thị X, trú tại thị trấn G, huyện L có nội dung: Việc cấp GCNQSD đất số CH00713 do UBND huyện L cấp ngày 09/9/2015 cho bà Hoàng Thị X tại thửa số 308, tờ bản đồ địa chính số 15, diện tích 169,3m² là trái quy định của Luật đất đai và các văn bản hướng dẫn tại thời điểm đó. Thửa đất này là đất A do UBND thị trấn G quản lý, không phải là đất do bà Hoàng Thị X sử dụng.

Căn cứ Kết luận thanh tra số 631/KL-UBND ngày 11/7/2019, UBND huyện L ban hành Quyết định số 5051/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 về việc thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ gia đình bà Hoàng Thị X, trú tại thị trấn G, huyện L, thấy: thửa đất số 308 (thửa 191 cũ) bà Hoàng Thị X chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (lần đầu) như đã phân tích ở phần trên. Nên UBND huyện L ban hành Quyết định số 5051/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 về việc thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00713 do UBND huyện L cấp ngày 09/9/2015 (cấp đổi) cho bà Hoàng Thị X tại thửa số

308, tờ bản đồ địa chính số 15, diện tích 169,3m² của hộ gia đình bà Hoàng Thị X, trú tại thị trấn G, huyện L là có căn cứ và phù hợp pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án, bà Hoàng Thị X xác định: Năm 2005, UBND huyện L đã cấp thửa đất số 191, tờ bản đồ số 8, diện tích 180m² cho bà Nguyễn Thị Đ1. UBND huyện L đã ban hành Quyết định số 4151/QĐ-UBND ngày 26/10/2011 về việc thu hồi giấy CNQSD đất cấp cho bà Đức do cấp trùng vào thửa đất của bà Hoàng Thị X. Công văn số 86/CV-TNMT ngày 08/8/2011 của Phòng Tài nguyên và Môi trường xác định: Bà Hoàng Thị X được cấp GCNQSD đất số 00047 ngày 17/11/1993 gồm 02 thửa: Thửa 125, tờ bản đồ số 9 diện tích 576m² đất 2 lúa và thửa số 191, tờ bản đồ số 8 diện tích đất 1 lúa (GCN cấp theo hệ thống bản đồ 299).

Tại phiên tòa sơ thẩm bà Hoàng Thị X và người đại diện theo ủy quyền, người bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho bà X đều đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Triệu tập người làm chứng gồm bà Nguyễn Thị K, bà Đặng Thị N là những người có đất giáp ranh, ông Đặng Hồng P là cán bộ địa chính tại UBND thị trấn G giai đoạn 1993-2007, người trực tiếp làm hồ sơ đề nghị cấp GCNQSD đất thửa đất số 191 cho gia đình bà.

+ Thu thập thêm tài liệu chứng cứ gồm: Bản gốc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B801990 do UBND huyện L cấp cho bà Hoàng Thị X được quyền sử dụng 756m² đất tại thị trấn G, huyện L ngày 17/11/1993, vào sổ cấp GCNQSD đất số 00047 QSDĐ. Bản gốc tờ bản đồ số 8, bản đồ 299 năm 1993 của thị trấn G, huyện L, tỉnh B. Danh sách 635 tổ chức, cá nhân đủ điều kiện cấp GCNQSD đất do UBND thị trấn G gửi Chủ tịch UBND huyện L ngày 25/09/1993 kèm theo tờ trình về việc phê duyệt cấp GCNQSD đất.

+ Giám định chữ ký, chữ viết trong bản gốc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B801990 do UBND huyện L cấp cho bà Hoàng Thị X được quyền sử dụng 756m² đất tại thị trấn G, huyện L ngày 17/11/1993 vào sổ cấp GCNQSD đất số 00047 QSDĐ. Hội đồng xét xử thấy:

Như đã phân tích ở trên, Quyết định số 270/QĐ-UB ngày 17/01/1993 về việc cấp GCNQSD đất cho bà Hoàng Thị X không có thửa 191, tờ bản đồ số 8 (Bản đồ 299), diện tích 180m². Việc trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00047 ngày 17/11/1993 cấp cho hộ gia đình bà Hoàng Thị X ghi thửa số 191, tờ bản đồ số 8 diện tích 180m², đất 1 lúa là không đúng với quy định của Luật đất đai năm 1993. Do đó giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00713 do UBND huyện L cấp ngày 09/9/2015 (cấp đổi) cho bà Hoàng Thị X tại thửa số

308, tờ bản đồ địa chính số 15, diện tích 169,3m² của hộ gia đình bà Hoàng Thị X, trú tại thị trấn G, huyện L là không đúng pháp luật.

Về yêu cầu triệu tập người làm chứng, thu thập thêm chứng cứ và giám định chữ viết trong bản gốc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B801990 do UBND huyện L cấp cho bà Hoàng Thị X ngày 17/11/1993 không làm thay đổi nội dung sự việc, do đó không được Tòa án cấp sơ thẩm xem xét là có căn cứ. Trong trường hợp bà X xác định có hành vi vi phạm pháp luật hình sự thì có quyền làm đơn tố giác tội phạm đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh T.

Kiến nghị cơ quan Nhà nước có thẩm quyền tỉnh T xem xét trách nhiệm của cá nhân có liên quan đến việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình bà Hoàng Thị X theo quy định của pháp luật.

[2.2]. Đối với Kết luận thanh tra số 631/KL-UBND ngày 11/7/2019 của Chủ tịch UBND huyện L; Quyết định số 4162/QĐ-UBND ngày 01/11/2019 của Chủ tịch UBND huyện L về việc giải quyết khiếu nại của bà Hoàng Thị X (lần đầu) và Quyết định số 1876/QĐ-UBND ngày 09/08/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh T về việc giải quyết khiếu nại của bà Hoàng Thị X (lần hai) được ban hành đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền, nội dung đúng quy định của pháp luật.

Từ những lập luận và phân tích nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm đã bác yêu cầu khởi kiện của bà Hoàng Thị X là có căn cứ. Tại cấp phúc thẩm bà X không xuất trình thêm tài liệu chứng cứ mới để chứng minh cho kháng cáo là có cơ sở. Từ đó, Hội đồng xét xử đồng tình với ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội, bác kháng cáo của bà Hoàng Thị X.

[3]. Về án phí: Kháng cáo không được chấp nhận nhưng bà Hoàng Thị X là người cao tuổi nên được miễn án phí phúc thẩm theo quy định.

Từ nhận định trên, căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Bác kháng cáo của người khởi kiện bà Hoàng Thị X; giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 06/2024/HC-ST ngày 23/02/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh T.

2. Về án phí: Bà Hoàng Thị X được miễn án phí phúc thẩm hành chính.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án hành chính phúc thẩm có hiệu lực ngay sau khi tuyên án.

**** Nơi nhận:***
- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh T;
- VKSND tỉnh T;
- Cục THADS tỉnh T;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Vũ Thị Thu Hà